

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 81/2024/DS-ST

Ngày: 29/3/2024

V/ v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

2/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2023/TLST-DS ngày 20/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXXST-DS ngày 18/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồng Văn D**, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp PC, xã PK, huyện C, tỉnh T.

* Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Nh**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐP, huyện C, tỉnh T

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Huỳnh Nh trình bày:

Ông Hồng Văn D là chủ hộ kinh doanh mua bán thức ăn gia cầm, vật tư nông nghiệp. Ông Nguyễn Văn N (ở địa phương hay gọi là anh B) là khách hàng mua thức ăn gia cầm tại cửa hàng của ông D theo hình thức ông N mua thức ăn, sau đó ông N giao trứng gà lại cho ông D và tính tiền. Việc mua bán và tính tiền được các bên thực hiện và theo dõi bằng sổ, quá trình giao dịch các bên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Tuy nhiên từ năm 2021 đến năm 2023, ông N bắt đầu nợ tiền thức ăn của ông D.

Ngày 08/6/2023 sau khi đối chiếu số tiền nợ trong sổ, ông N còn thiếu ông D số tiền là 398.433.000 đồng, ông N có ký tên xác nhận. Sau đó, ngày 26/6/2023 ông N trả được cho ông D số tiền là 2.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thống nhất làm tròn là 396.000.000 đồng, nên ghi vào sổ là 396.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay, ông N không trả cho ông D được số tiền nào. Nay ông Hồng Văn D yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N trả số tiền 396.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:

Ông Nguyễn Văn N thừa nhận quá trình giao dịch mua bán giữa ông và ông D như ông Hồng Văn D trình bày. Sau khi trả 2.000.000 đồng vào ngày 26/6/2023 thì ông còn nợ ông Hồng Văn D số tiền 396.000.000 đồng tiền mua thức ăn và ông thừa nhận có ký tên trong sổ xác nhận số tiền còn nợ. Do làm ăn thua lỗ nên ông mới nợ ông D, đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, ông đồng ý trả 396.000.000 đồng cho ông D nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông xin trả hàng tháng với số tiền là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án: Xét chứng cứ ông Hồng Văn D cung cấp là sổ theo dõi việc mua bán thức ăn của ông Nguyễn Văn N, thể hiện việc các bên có mua bán hàng hóa là thức ăn gia cầm.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hồng Văn D yêu cầu ông N trả số tiền là 396.000.000 đồng. Ông N thừa nhận quá trình giao dịch mua bán giữa ông và ông Hồng Văn D như ông D trình bày, thừa nhận có ký tên trong sổ xác nhận số tiền mua thức ăn còn nợ ông D là 396.000.000 đồng và đồng ý trả.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó việc ông D yêu cầu ông N trả số tiền 396.000.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị xin trả dần số tiền nợ của ông N:

Xét thấy việc ông N đồng ý trả số tiền 396.000.000 đồng cho ông D nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 396.000.000 đồng, yêu cầu trên không được đại diện theo ủy quyền của ông D đồng ý. Việc ông D đã giao hàng xong nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D, nên

Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ông N xin trả dần, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền còn nợ 396.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Ông D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N thuộc đối tượng được miễn nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho ông Hồng Văn D số tiền 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồng Văn D thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.
- Ông Nguyễn Văn N thuộc đối tượng được miễn nộp án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T.
- VKS nhân dân huyện C.
- Chi cục THA dân sự huyện C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Ngọc Hạnh